

# Tổng hợp thị trường — Thứ Tư, 07/10/2026

THỊ TRƯỜNG PHÂN HÓA, THANH KHOẢN THẤP



Shinhan  
Securities

## Chiến lược thị trường

**Tóm tắt nhanh** — VN-Index đóng cửa phiên 07/10/2026 tại 1,753.39 điểm (-0.32%), thị trường phân hóa với thanh khoản toàn thị trường đạt 16,734 tỷ VND. Hóa chất dẫn dắt nhóm ngành tăng (+2.16%), trong khi VN-Index điều chỉnh nhẹ và vẫn nằm dưới đường MA50 (vùng 1,780). Khối ngoại bán ròng 911 tỷ VND, tập trung tại PNJ, TCB và HDB. Ngược chiều thì MSN, BSR và VIB được mua ròng khá tốt. VN-Index dự kiến dao động trong vùng hỗ trợ 1,720 – kháng cự 1,780 điểm trong các phiên tới.

### CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

| Chỉ số      | Giá đóng cửa | 1 ngày | 1 tháng | 1 năm   | P/E    | P/B   | Vốn hoá (tỷ VND) |
|-------------|--------------|--------|---------|---------|--------|-------|------------------|
| VNINDEX     | 1,753.39     | -0.32% | -3.75%  | +4.04%  | 13.41x | 1.95x | 8,485,507        |
| VN30 Index  | 1,894.20     | -0.24% | -3.51%  | -0.81%  | 11.24x | 1.94x | 6,483,459        |
| VN Midcap   | 1,814.50     | -0.06% | -5.72%  | -26.08% | 11.64x | 1.08x | 1,286,753        |
| VN Smallcap | 1,225.53     | +0.55% | -1.51%  | -22.40% | 11.06x | 0.75x | 290,265          |
| HNX Index   | 259.82       | -2.15% | -7.41%  | -4.78%  | 13.29x | 1.48x | 415,508          |
| UpCom       | 125.19       | -0.03% | -1.92%  | +13.56% | n.a    | 1.60x | 664,805          |

### THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG

16,734 tỷ VND

### HỖ TRỢ / KHÁNG CỰ VN-INDEX

HỖ TRỢ

1,720

KHÁNG CỰ

1,780

### ĐÓNG GÓP VÀO VN-INDEX

#### TOP 10 NÂNG ĐỖ

|     |        |
|-----|--------|
| GVR | +3.66% |
| MSN | +4.44% |
| BSR | +2.09% |
| MWG | +2.53% |
| MCH | +1.21% |
| VPB | +0.86% |
| VIB | +2.96% |
| GMD | +4.23% |
| SSB | +2.38% |
| FRT | +3.79% |

#### TOP 10 KÉO GIẢM

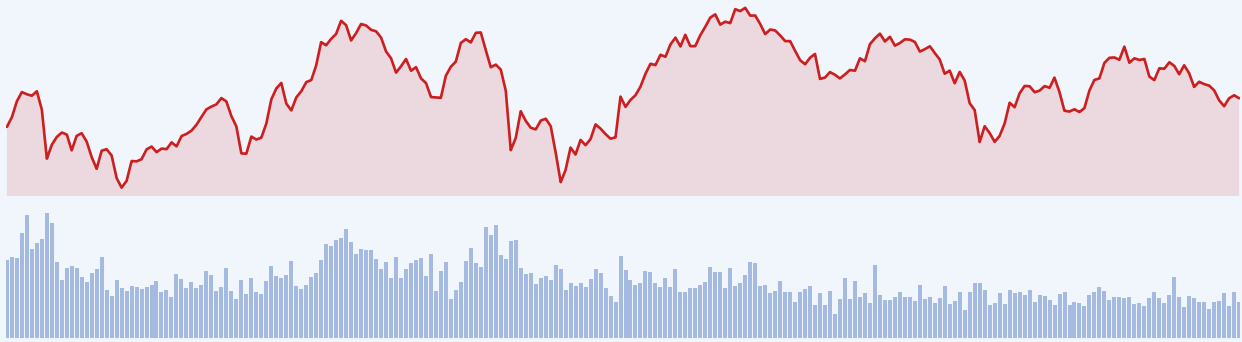
|     |        |
|-----|--------|
| VIC | -0.86% |
| VHM | -1.45% |
| LPB | -4.33% |
| VPL | -1.85% |
| GAS | -1.13% |
| TCX | -2.27% |
| STB | -1.33% |
| FPT | -1.16% |
| HPG | -0.73% |
| VRE | -2.31% |

## BIẾN ĐỘNG GIÁ & THANH KHOẢN 1 NĂM GẦN NHẤT — VN-INDEX

### VN-Index

08/10/2025 – 07/10/2026

— Giá — Tổng GTGD HOSE theo ngày (khớp lệnh + thoả thuận) — phiên 07/10/2026: **15,265 tỷ** · TB 1 năm: 24,168 tỷ



HIỆN TẠI  
**1,753.39**

CAO NHẤT 1 NĂM  
**1,927.94**

THẤP NHẤT 1 NĂM  
**1,580.54**

TỪ ĐẦU NĂM (YTD)  
**-2.0%**

## ĐỊNH GIÁ P/E VN-INDEX — 5 NĂM (DÃI THỐNG KÊ ±1STD / ±2STD)

### P/E VN-Index — 5 năm

07/10/2021 – 07/10/2026

— Giá trị — TB 5 năm 15.35x — ±1Std 17.13x / 13.57x — ±2Std 18.91x / 11.79x



HIỆN TẠI  
**13.41x**

TB 5 NĂM  
**15.35x**

CAO NHẤT 5 NĂM  
**20.88x**

THẤP NHẤT 5 NĂM  
**11.01x**

## GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

### KỸ THUẬT

Thị trường tiếp tục tạo thế cân bằng với biến động hẹp, MA 50 có xu hướng đi ngang hướng lên nhẹ. Các nhóm ngành diễn biến phân hóa. Nhìn chung, xu hướng chủ đạo của thị trường vẫn là đi ngang. Hỗ trợ và kháng cự tương ứng là 1,720 – 1,850.

### KỊCH BẢN

**Kịch bản ngắn hạn cho xu hướng 2 tuần tới:**

- **Tích cực (15%):** Thị trường hướng tới mức 1,900 điểm mà không cần tích lũy
- **Cơ sở (60%):** Thị trường có xu hướng phục hồi lên MA50 – 1,780
- **Kém tích cực (25%):** Thị trường giảm về cận dưới của vùng hỗ trợ tương ứng 1,725

### CHIẾN LƯỢC

Ưu tiên nhóm phòng thủ có beta thấp, có dòng tiền mạnh mẽ, cổ tức cao, cơ cấu nợ vay thấp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Có thể xem xét nhóm bảo hiểm, và điện nước. Trong bối cảnh thiếu thanh khoản thị trường sẽ dễ dàng sụt giảm bất ngờ, thì đây là thời điểm mua thích hợp hơn là mua đuổi. Ngoài ra, nên quan tâm nhiều đến từng nhóm ngành và cổ phiếu hơn là nhìn vào chỉ số chung trong bối cảnh thị trường phân hóa mạnh.

# Dòng vốn ngoại

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI (HOSE)

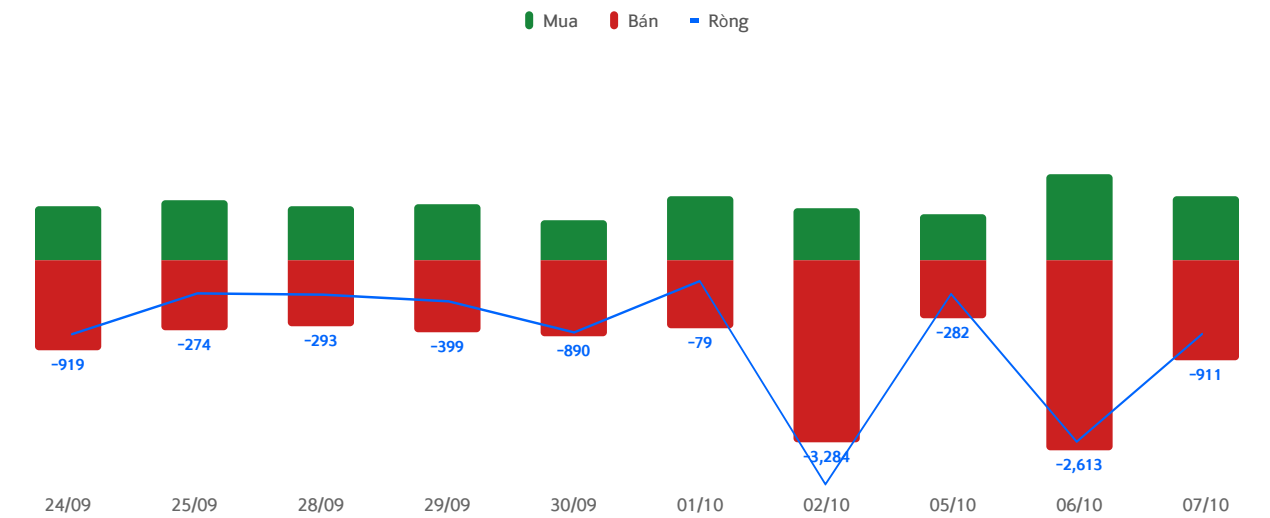
PHIÊN 07/10/2026

**Bán ròng 911 tỷ VND**

|                                                                                                   |                                                                                                          |                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MTD</b><br>01/10 – 07/10/2026 · 5 phiên<br><b>-7,169 tỷ</b><br>Mua: 7,805 · Bán: 14,973 tỷ VND | <b>YTD</b><br>05/01 – 07/10/2026 · 187 phiên<br><b>-105,050 tỷ</b><br>Mua: 528,000 · Bán: 633,051 tỷ VND | <b>1 NĂM (1Y)</b><br>08/10/2025 – 07/10/2026 · 248 phiên<br><b>-123,324 tỷ</b><br>Mua: 722,819 · Bán: 846,143 tỷ VND |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY (TỶ VND) |        | TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY (TỶ VND) |       |
|-------------------------------------|--------|-------------------------------------|-------|
| PNJ                                 | -399.2 | MSN                                 | +44.4 |
| TCB                                 | -111.1 | BSR                                 | +36.9 |
| HDB                                 | -89.0  | VIB                                 | +32.3 |
| FPT                                 | -66.6  | MCH                                 | +30.4 |
| VIX                                 | -43.4  | FRT                                 | +27.6 |
| MSB                                 | -35.2  | DCM                                 | +21.1 |
| GMD                                 | -34.9  | SSI                                 | +14.0 |
| HAH                                 | -33.9  | BVH                                 | +13.5 |
| TCX                                 | -33.7  | PVP                                 | +7.5  |
| VHM                                 | -32.5  | SSB                                 | +6.0  |

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI 10 PHIÊN (HOSE - TỶ VND)



MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI THEO NGÀNH (HOSE) — 07/10/2026

|                      |       |                               |        |
|----------------------|-------|-------------------------------|--------|
| Thực phẩm và đồ uống | +67.4 | Xây dựng và Vật liệu          | -0.6   |
| Dầu khí              | +39.1 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -1.6   |
| Bán lẻ               | +30.2 | Tài nguyên Cơ bản             | -5.9   |
| Bảo hiểm             | +16.8 | Công nghệ Thông tin           | -67.4  |
| Hóa chất             | +15.8 | Bất động sản                  | -75.7  |
| Du lịch và Giải trí  | +8.8  | Dịch vụ tài chính             | -116.2 |
| Ô tô và phụ tùng     | +0.5  | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | -123.6 |
| Truyền thông         | +0.0  | Ngân hàng                     | -297.8 |
| Y tế                 | -0.2  | Hàng cá nhân & Gia dụng       | -400.3 |

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF NỘI ĐỊA — PHIÊN 07/10/2026

| Tên quỹ                     | Mã CK    | Giá (VND) | %1D   | %1M    | %YTD   | KLGD (CP) | GTGD (tỷ VND) |
|-----------------------------|----------|-----------|-------|--------|--------|-----------|---------------|
| DCVFMVN30 ETF Fund          | E1VFN30  | 34,190    | -0.0% | -3.4%  | -5.3%  | 251,200   | 8.524         |
| SSIAM VNX50 ETF             | FUESSV50 | 28,120    | +1.2% | -5.9%  | -1.1%  | 3,100     | 0.086         |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF        | FUESSVFL | 28,000    | +2.1% | -3.2%  | -7.8%  | 87,400    | 2.428         |
| DCVFMVN Diamond ETF         | FUEFVN30 | 32,140    | +0.5% | -5.7%  | -16.1% | 553,200   | 17.851        |
| VinaCapital VN100 ETF       | FUEVN100 | 24,700    | -0.4% | -4.7%  | -3.2%  | 58,500    | 1.439         |
| VinaCapital VN100 ETF       | FUESSV30 | 23,890    | +0.4% | -4.2%  | -6.3%  | 3,600     | 0.086         |
| MAFN VN30 ETF               | FUEMAV30 | 23,510    | 0.0%  | -3.5%  | -5.2%  | 300       | 0.007         |
| IPAAM VN100 ETF             | FUEIP100 | 12,370    | -6.6% | -7.3%  | -0.6%  | 500       | 0.006         |
| KIM Growth VN30 ETF         | FUEKIV30 | 12,990    | -0.2% | -5.3%  | -5.7%  | 2,000     | 0.026         |
| DCVFMVN Mid Cap ETF         | FUEDCMID | 11,350    | +1.3% | -7.6%  | -23.4% | 5,200     | 0.059         |
| KIM Growth VNFINSELECT ETF  | FUEKIVFS | 16,210    | 0.0%  | -10.9% | -7.7%  | 0         | n.a           |
| MAFM VNDIAMOND ETF          | FUEMAVND | 13,760    | 0.0%  | -3.9%  | -15.6% | 0         | n.a           |
| FPT CAPITAL VNX50 ETF       | FUEFCV50 | 15,240    | +6.2% | +1.6%  | +5.8%  | 1,400     | 0.021         |
| KIM GROWTH VN DIAMOND ETF   | FUEKIVND | 11,940    | +1.6% | -5.2%  | -17.0% | 400       | 0.005         |
| Bao Viet Fund VN Diamond    | FUEBFVND | 12,600    | 0.0%  | 0.0%   | +0.7%  | 0         | n.a           |
| An Binh Fund VN Diamond     | FUEABVND | 10,100    | 0.0%  | -1.0%  | -6.6%  | 0         | n.a           |
| ETF TECHCOM CAPITAL VNX50   | FUETCC50 | 13,890    | +0.4% | -5.4%  | -4.2%  | 5,400     | 0.075         |
| ETF VFCVN DIAMOND           | FUETPVND | 9,740     | 0.0%  | -4.9%  | -17.5% | 0         | n.a           |
| VINACAPITAL VNMITECH        | FUEMITEC | 10,970    | 0.0%  | -0.3%  | n.a    | 1,000     | 0.011         |
| VinaCapital VN50 Growth ETF | FUEVN50G | 11,950    | +0.4% | +0.4%  | n.a    | 600       | 0.007         |
| PHFM VNSHINE ETF            | FUEPHVNS | 9,370     | +0.6% | n.a    | n.a    | 200       | 0.002         |

THỐNG KÊ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF NỘI ĐỊA

| Tên quỹ                     | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (tỷ VND) | Dòng vốn ròng 1M (tỷ VND) | Dòng vốn ròng 3M (tỷ VND) | TSLN 1Y (%) | Std 1Y (%) | Beta | Cổ tức (%) | P/E (x) | P/B (x) | Tỷ trọng CP (%) | Top 10 (%) |
|-----------------------------|----------------|-----------------|------------------|---------------------------|---------------------------|-------------|------------|------|------------|---------|---------|-----------------|------------|
| DCVFMVN30 ETF Fund          | 2014-08-14     | VN30TR          | 5,777,276.1      | -64.1                     | +36.8                     | +0.9%       | 18.4       | 0.9  | 2.2        | 11.3    | 2.1     | 81              | 57         |
| SSIAM VNX50 ETF             | 2014-12-15     | VNX50IX         | 196,028.1        | 0.0                       | +51.7                     | -1.3%       | 24.7       | 0.8  | 1.6        | 13.7    | 1.8     | n.a             | 52         |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF        | 2020-02-24     | VNFL            | 657,141.9        | +77.7                     | +128.5                    | -17.4%      | 25.0       | 1.0  | 2.0        | 7.8     | 1.3     | 100             | 89         |
| DCVFMVN Diamond ETF         | 2020-05-12     | VND             | 10,601,055.6     | -76.8                     | +140.4                    | -17.8%      | 21.8       | 0.9  | 2.6        | 9.7     | 1.7     | 92              | 84         |
| VinaCapital VN100 ETF       | 2020-06-16     | VN100           | 687,661.0        | 0.0                       | 0.0                       | -2.2%       | 19.9       | 0.8  | 2.2        | 10.5    | 1.7     | 100             | 52         |
| VinaCapital VN100 ETF       | 2020-07-27     | VN30            | 255,171.3        | +4.8                      | +21.6                     | -3.7%       | 21.8       | 0.7  | 2.3        | 10.7    | 2.0     | 100             | 63         |
| MAFN VN30 ETF               | 2020-12-08     | VN30            | 519,218.5        | -12.1                     | -88.6                     | +0.7%       | 21.3       | 1.0  | 1.9        | 11.5    | 2.0     | 100             | 71         |
| IPAAM VN100 ETF             | 2021-10-12     | VN100           | 70,137.2         | 0.0                       | 0.0                       | -1.0%       | 50.7       | 1.0  | 1.6        | 11.6    | 1.8     | 100             | 52         |
| KIM Growth VN30 ETF         | 2022-01-06     | VN30TR          | 2,359,091.3      | -6.7                      | -60.4                     | -0.1%       | 25.4       | 1.0  | 1.7        | 11.7    | 1.8     | n.a             | 59         |
| DCVFMVN Mid Cap ETF         | 2022-09-29     | VN70            | 265,691.8        | +1.1                      | +2.3                      | -27.1%      | 27.7       | 0.8  | 1.7        | 11.2    | 1.3     | 97              | 38         |
| KIM Growth VNFINSELECT ETF  | 2022-11-03     | VNFS            | 168,391.8        | -60.3                     | -85.4                     | -16.1%      | 30.2       | 0.9  | 2.0        | 8.8     | 1.4     | n.a             | 71         |
| MAFM VNDIAMOND ETF          | 2023-03-02     | VND             | 185,296.5        | 0.0                       | -66.1                     | -15.8%      | 23.3       | 0.9  | 2.5        | 9.2     | 1.6     | 100             | 88         |
| FPT CAPITAL VNX50 ETF       | 2023-05-25     | VNX50IX         | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | -3.4%       | 41.5       | 0.6  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| KIM GROWTH VN DIAMOND ETF   | 2024-04-24     | VND             | 68,757.7         | +2.5                      | +2.5                      | -16.9%      | 25.7       | 1.0  | 1.9        | 12.8    | 2.0     | n.a             | 82         |
| Bao Viet Fund VN Diamond    | n.a            | VND             | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | +0.7%       | 0.6        | 0.3  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| An Binh Fund VN Diamond     | 2024-08-16     | VND             | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | -16.5%      | 24.4       | 0.5  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| ETF TECHCOM CAPITAL VNX50   | 2025-03-11     | VNX50IX         | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | -2.5%       | 23.5       | 0.9  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| ETF VFCVN DIAMOND           | 2025-09-25     | VND             | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | -17.5%      | 18.5       | 0.5  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| VINACAPITAL VNMITECH        | 2026-06-16     | VNMITECH        | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | n.a         | n.a        | 0.3  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| VinaCapital VN50 Growth ETF | 2026-06-16     | VN50GR          | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | n.a         | n.a        | 0.6  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |
| PHFM VNSHINE ETF            | 2026-09-10     | VNSHINEP        | n.a              | 0.0                       | 0.0                       | n.a         | n.a        | 0.6  | n.a        | n.a     | n.a     | n.a             | n.a        |

# Luân chuyển ngành

DIỄN BIẾN 19 NGÀNH (ICB)

| Ngành                         | %1D   | %1M    | %YTD   | %1 YR. | P/E   | P/B  | Vốn hoá (tỷ VND) |
|-------------------------------|-------|--------|--------|--------|-------|------|------------------|
| Hóa chất                      | +2.2% | +1.8%  | +9.0%  | +1.0%  | 15.2x | 1.7x | 228,072          |
| Ô tô và phụ tùng              | +1.7% | -5.5%  | -11.3% | +0.8%  | 6.2x  | 1.1x | 31,595           |
| Tài nguyên Cơ bản             | +1.1% | +1.6%  | +6.1%  | +1.0%  | 16.0x | 1.4x | 316,941          |
| Dầu khí                       | +1.1% | +9.8%  | +45.2% | +1.5%  | 23.4x | 2.3x | 265,219          |
| Truyền thông                  | +1.1% | -7.9%  | +19.4% | +1.1%  | 56.3x | 2.4x | 22,965           |
| Thực phẩm và đồ uống          | +1.0% | -0.1%  | -8.7%  | +1.3%  | 17.1x | 2.7x | 719,406          |
| Bán lẻ                        | +0.6% | +4.3%  | -3.6%  | +1.0%  | 16.5x | 3.9x | 268,099          |
| Xây dựng và Vật liệu          | +0.3% | -2.3%  | +0.2%  | +0.9%  | 13.4x | 1.3x | 239,647          |
| Bảo hiểm                      | +0.3% | +9.1%  | +6.1%  | +1.1%  | 14.8x | 1.7x | 97,694           |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | +0.3% | +3.5%  | -6.8%  | +1.0%  | 12.1x | 2.0x | 326,517          |
| Y tế                          | +0.1% | -1.6%  | -11.4% | +0.9%  | 15.1x | 1.5x | 63,042           |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | +0.1% | -14.5% | -31.0% | +0.7%  | 6.8x  | 1.0x | 57,389           |
| Ngân hàng                     | -0.3% | -0.9%  | +0.0%  | +0.9%  | 9.3x  | 1.5x | 2,632,294        |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -0.7% | -3.8%  | -1.3%  | +1.1%  | 12.9x | 1.8x | 425,466          |
| Du lịch và Giải trí           | -1.0% | -3.6%  | -18.0% | +0.9%  | 28.8x | 4.0x | 318,727          |
| Bất động sản                  | -1.0% | -8.1%  | +13.5% | +1.6%  | 26.7x | 3.6x | 2,870,453        |
| Công nghệ Thông tin           | -1.1% | -8.9%  | -30.8% | +0.7%  | 11.9x | 2.5x | 126,375          |
| Dịch vụ tài chính             | -1.2% | -11.1% | -9.8%  | +1.2%  | 13.9x | 1.7x | 501,207          |
| Viễn thông                    | -2.2% | -5.1%  | -21.7% | +0.8%  | 5.0x  | 1.1x | 995              |

LUÂN CHUYỂN DÒNG TIỀN GIỮA CÁC NHÓM NGÀNH (TỶ VND)

| Ngành                         |             | % so với TB tuần | 06/10   | 07/10   | TB 1 tuần |
|-------------------------------|-------------|------------------|---------|---------|-----------|
| Bảo hiểm                      | <div></div> | +98.1%           | 62.4    | 156.0   | 78.8      |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | <div></div> | +48.4%           | 388.8   | 1,089.3 | 733.8     |
| Thực phẩm và đồ uống          | <div></div> | +41.3%           | 1,014.5 | 1,629.9 | 1,153.6   |
| Truyền thông                  | <div></div> | +40.1%           | 8.2     | 14.6    | 10.4      |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | <div></div> | +24.2%           | 831.2   | 1,117.2 | 899.4     |
| Bán lẻ                        | <div></div> | +19.8%           | 750.4   | 702.8   | 586.4     |
| Công nghệ Thông tin           | <div></div> | +15.4%           | 518.4   | 337.6   | 292.6     |
| Viễn thông                    | <div></div> | +2.2%            | 0.8     | 0.4     | 0.4       |
| Hóa chất                      | <div></div> | -1.2%            | 449.9   | 405.8   | 410.5     |
| Bất động sản                  | <div></div> | -3.7%            | 2,898.6 | 2,229.3 | 2,314.6   |
| Ô tô và phụ tùng              | <div></div> | -6.6%            | 72.9    | 52.1    | 55.7      |
| Ngân hàng                     | <div></div> | -7.0%            | 4,303.1 | 3,159.5 | 3,397.0   |
| Du lịch và Giải trí           | <div></div> | -7.3%            | 210.0   | 169.2   | 182.5     |
| Xây dựng và Vật liệu          | <div></div> | -8.2%            | 431.8   | 331.2   | 360.6     |
| Tài nguyên Cơ bản             | <div></div> | -13.4%           | 569.5   | 629.6   | 726.9     |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | <div></div> | -20.2%           | 229.7   | 164.8   | 206.6     |
| Dầu khí                       | <div></div> | -22.1%           | 725.2   | 483.3   | 620.5     |
| Dịch vụ tài chính             | <div></div> | -40.0%           | 2,287.8 | 908.3   | 1,514.7   |
| Y tế                          | <div></div> | -43.6%           | 48.6    | 31.0    | 55.0      |

# Cập nhật doanh nghiệp

## ĐỘT BIẾN GIÁ TRỊ GIAO DỊCH — TOP 5

| Mã  | Tên công ty                    | Giá (VND) | Thay đổi giá |        |         | So với TB 5 phiên | Giá trị GD (tỷ VND) |
|-----|--------------------------------|-----------|--------------|--------|---------|-------------------|---------------------|
|     |                                |           | 1 ngày       | 1 tuần | YTD     |                   |                     |
| VIC | VinGroup                       | 230,000   | -0.86%       | +0.92% | +35.61% | +152.2%           | 916.2               |
| STB | NH Sài Gòn Tài LỘC (SACOMBANK) | 66,800    | -1.33%       | -9.73% | +15.17% | +72.7%            | 290.6               |
| VNM | VINAMILK                       | 58,000    | -0.68%       | -2.36% | -2.12%  | +10.7%            | 108.4               |
| HAG | Hoàng Anh Gia Lai              | 14,500    | -0.34%       | +2.84% | -17.38% | -12.5%            | 17.1                |
| PLX | Petrolimex                     | 36,200    | 0.00%        | +1.69% | +6.22%  | -51.9%            | 74.0                |

## ĐỘT BIẾN KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH — TOP 5

| Mã  | Tên công ty                    | Giá (VND) | Thay đổi giá |        |         | So với TB 5 phiên | Khối lượng GD (nghìn CP) |
|-----|--------------------------------|-----------|--------------|--------|---------|-------------------|--------------------------|
|     |                                |           | 1 ngày       | 1 tuần | YTD     |                   |                          |
| HAG | Hoàng Anh Gia Lai              | 14,500    | -0.34%       | +2.84% | -17.38% | +516.4%           | 8,658.2                  |
| HSL | Thực phẩm Hồng Hà              | 8,300     | -4.05%       | -6.00% | +18.74% | +2770.1%          | 3,662.2                  |
| STB | NH Sài Gòn Tài LỘC (SACOMBANK) | 66,800    | -1.33%       | -9.73% | +15.17% | +139.2%           | 5,264.1                  |
| TNI | Tập đoàn Thành Nam             | 4,480     | +3.70%       | -2.40% | -10.76% | +594.8%           | 693.5                    |
| TSC | Kỹ thuật NN Cần Thơ            | 1,700     | -3.41%       | -2.30% | -44.44% | +307.7%           | 643.1                    |

## TIN TỨC DOANH NGHIỆP NỔI BẬT

| Mã  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VIC | Vingroup triển khai dự án khu đô thị 460.63 ha tại xã Thưng Lâm với quy mô dân số dự kiến 85,038 người. Dự án đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và xã hội, gắn liền với đề án thí điểm mô hình xã hội chủ nghĩa.                      |
| ACB | ACB đã thanh toán 531.5 tỷ đồng gồm gốc và lãi để tất toán đúng hạn lô trái phiếu ACBL2326007 vào ngày 2/10/2026.                                                                                                            |
| MBB | Agtex 28 dự kiến bán 2.5 triệu cổ phiếu MBB trong quý 4-2026 với giá tối thiểu 20,290 đồng/cổ phiếu. Mức giá này cao gấp 7.98 lần giá vốn đầu tư bình quân 2,542 đồng/cổ phiếu ghi nhận tại ngày 31-12-2025.                 |
| HDB | HDBank xếp thứ 2 trong Top 50 ngân hàng Đông Nam Á theo S&P Global Market Intelligence. Ngân hàng đạt tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu 26.11% và tỷ lệ chi phí trên thu nhập 27.13%.                                     |
| ABB | Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm ABBank từ B2 lên B1 nhờ chất lượng tài sản cải thiện và vốn điều lệ tăng lên 16,000 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu và trái phiếu VAMC của ngân hàng giảm xuống 1.2% vào tháng 6/2026.                 |
| SSB | SeABank củng cố năng lực quản trị rủi ro theo chuẩn Basel III và tăng vốn điều lệ lên 34,288 tỷ đồng. Moody's đã nâng xếp hạng tín nhiệm của ngân hàng lên Ba3 với triển vọng tích cực nhờ chất lượng tài sản cải thiện.     |
| BCM | UBND TP.HCM giao 72,489.9 m² đất tại phường Thới Hòa cho Becamex Group để thực hiện dự án khu dân cư ấp 5C. Thời hạn sử dụng đất của dự án này kéo dài đến ngày 7/5/2059.                                                    |
| VNM | Kỷ niệm 50 năm thành lập, Vinamilk đạt doanh thu thuần 34,996 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2026, tăng 17.8%. Thương hiệu được định giá 2.6 tỷ USD và duy trì xếp hạng sức mạnh AAA+ từ Brand Finance.                       |
| HHV | Tập đoàn Đào Cả đã chuyển giao công nghệ thi công hầm NATM cho đối tác thông qua đào tạo thực chiến tại hầm số 4 dự án cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh. Nhờ đó, nhánh hầm phải được đào thông vào ngày 18/9/2026.               |
| SBT | Bà Đặng Huỳnh Ước My lần thứ hai liên tiếp vào Top 100 Most Powerful Women Asia 2026 của Fortune. Dưới sự lãnh đạo của bà, AgriS đạt doanh thu thuần 26,733 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 846 tỷ đồng niên độ 2025-2026. |

# Số liệu vĩ mô

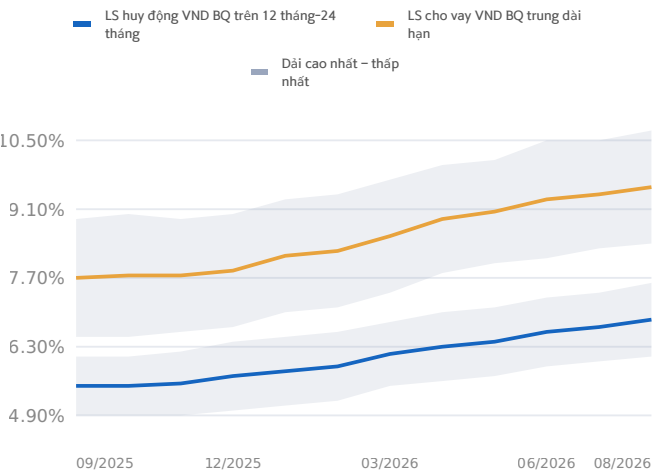
## TIỀN TỆ

| Cặp tiền tệ  | Giá trị   | 1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | YTD   | 1 năm |
|--------------|-----------|--------|--------|---------|---------|-------|-------|
| Dollar index | 102.26    | +0.4%  | +0.8%  | +3.1%   | +1.2%   | +4.0% | +3.7% |
| USD/JPY      | 158.11    | +0.0%  | +0.4%  | +2.4%   | -2.5%   | +0.9% | +4.1% |
| USD/CNY      | 6.7060    | -0.0%  | -0.1%  | -0.2%   | -1.2%   | -4.0% | -5.8% |
| KRW/USD      | 1,338.40  | -0.1%  | -1.4%  | -0.6%   | -11.7%  | -7.0% | -4.8% |
| EUR/USD      | 0.8929    | +0.5%  | +1.2%  | +3.8%   | +1.9%   | +4.9% | +4.1% |
| USD/VND      | 25,981.00 | -0.1%  | +0.1%  | -0.2%   | -1.2%   | -1.2% | -1.5% |

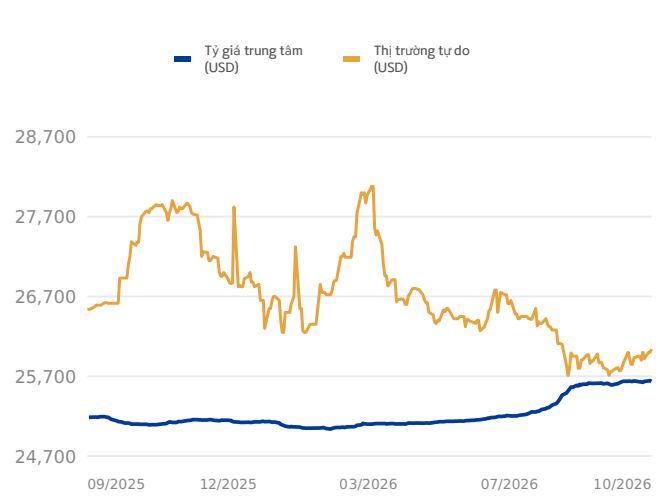
## HÀNG HOÁ

| Hàng hoá     | Giá trị  | 1 ngày | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | YTD    | 1 năm  |
|--------------|----------|--------|--------|---------|---------|--------|--------|
| Dầu Thô      | 89.57    | +0.1%  | -0.9%  | -2.1%   | +27.2%  | +56.0% | +45.1% |
| Xăng         | 335.36   | +2.5%  | -2.4%  | +4.3%   | +13.5%  | +96.6% | +77.1% |
| Khí đốt      | 3.1660   | +1.7%  | +4.6%  | +6.4%   | -3.0%   | -14.1% | -9.5%  |
| Coal         | 152.20   | +1.5%  | +4.8%  | +2.4%   | +18.5%  | +41.6% | +45.3% |
| Vàng         | 4,126.24 | -0.9%  | -0.7%  | -6.3%   | +0.5%   | -4.5%  | +3.5%  |
| Thép cuộn TQ | 3,299.00 | +0.0%  | -0.6%  | -1.4%   | -0.7%   | +0.9%  | -2.5%  |

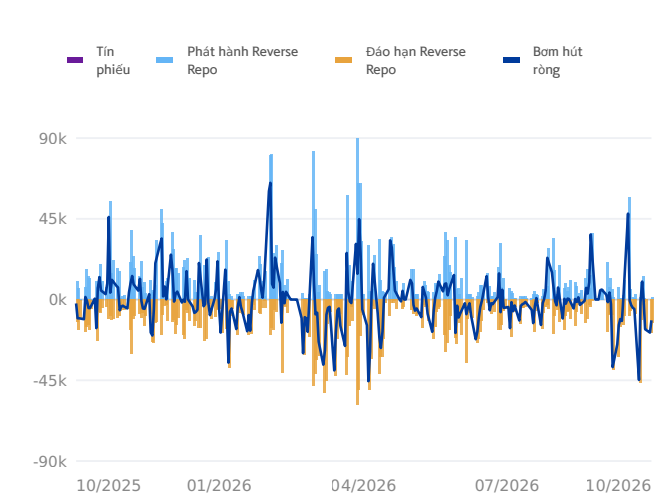
## DIỄN BIẾN LÃI SUẤT HUY ĐỘNG, CHO VAY — 12 THÁNG



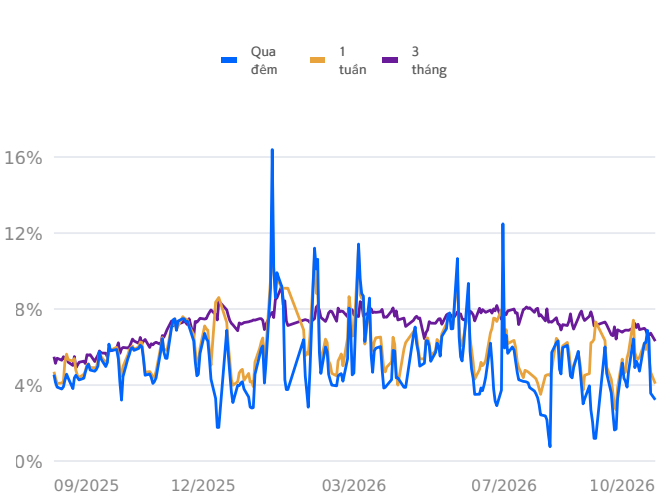
## DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND — 1 NĂM



## HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG MỞ (OMO, TỶ VND)



## LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THEO NGÀY



# Mạng lưới Shinhan Investment

## MẠNG LƯỚI SHINHAN INVESTMENT

### SEOUL

Shinhan Securities Corp.  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongsungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

### NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

### HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

### INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

### SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

### HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho  
Chi Minh City, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

### HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam  
Tel : (84-8) 6299-8000

### Thông báo tuần thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Copy @ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Analyst: Nhi Nguyễn · Research Labs · Shinhan Securities Vietnam · [nhi.ntt@shinhan.com](mailto:nhi.ntt@shinhan.com) · (84-28) 6299-8000

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích — Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam, được cấp phép bởi UBCKNN Việt Nam.  
Thông tin chỉ mang tính tham khảo, không phải khuyến nghị mua/bán. Quyết định đầu tư cuối cùng thuộc về nhà đầu tư.